

Bản án số: 468/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-6-2021

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 16-6-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1086/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Bạch Đ, sinh năm 197; Địa chỉ: Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bị đơn: Bà Châu Thị Mỹ C, sinh năm 197; Nơi cư trú cuối cùng: Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn ông Trần Bạch Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1999, ông và bà Châu Thị Mỹ C tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 18, quận Tân Bình (nay là phường Phú T, quận Tân Phú), thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 187/99, quyền số 01 ngày 24/12/199.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì nghĩ đến con cái còn nhỏ, vợ chồng nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 02/2018, bà C bỏ nhà đi đâu không rõ. Ông đã tìm kiếm khắp nơi, hỏi thăm họ hàng, bạn bè nhưng không có tin tức gì của bà C. Tìm kiếm nhiều năm không có kết

quá, năm 2020, ông có làm thủ tục yêu cầu Tòa án tuyên bố bà C mất tích. Ngày 29/10/2020, Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tuyên bố mất tích đối với bà C (theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 433 ngày 29/10/2020), từ đó đến nay vẫn không có tin tức gì của bà C. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà C để ông ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Ông và bà C có hai con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/11/199 và Trần Thanh V, sinh ngày 01/6/200. Sau khi bà C bỏ đi thì ông là người nuôi con. Hiện tại các con đang ở với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi trẻ Thanh V để tiếp tục lo cho cháu ăn học, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ Minh T đã trưởng thành, đã đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : Không có

Toà án đã tổ chức cho các bên hoà giải nhưng không tiến hành hoà giải được do bà C vắng mặt nên Toà án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.
- Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật : Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Ông Đ được ly hôn với bà C. Khi ly hôn, giao trẻ Trần Thanh V, sinh ngày 01/6/20 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà C do ông Đ không yêu cầu. Đối với trẻ Trần Minh T, sinh ngày 24/11/199 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 187/99, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường 18, quận Tân Bình (nay là phường Phú T, quận Tân Phú), thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/12/199 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà C có nơi cư trú cuối cùng tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay ông Đ yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt

- *Xét xử vắng mặt bị đơn bà C:* Xét, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố mất tích đối với bà C theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 433 ngày 29/10/202. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà C theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà C đều vắng mặt trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Đ:* Ngày 19/5/2021, ông Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

Bà C không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Đ yêu cầu ly hôn với bà C.

Xét, trong quá trình chung sống, ông Đ và bà C xảy ra mâu thuẫn nên bà C bỏ nhà đi biệt tích từ tháng 02/20 cho đến nay không có tin tức gì và Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bà C mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 433 ngày 29/10/202. Ông Đ xác nhận không còn tình cảm với bà C nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với bà C. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích hôn nhân là “vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc”, trong trường hợp này giữa ông Đ và bà C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, bà C bỏ đi không để lại tin tức cho gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ.

- *Về quan hệ con chung:* Ông Đ và bà C có hai con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/11/199 và Trần Thanh V, sinh ngày 01/6/200. Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu được nuôi trẻ Thanh V để tiếp tục lo cho cháu ăn học và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Đối với trẻ Minh T đã trưởng thành, đã đi làm nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, sau khi bà C bỏ đi thì ông Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết, trẻ Thanh V có nguyện vọng ở với ông Đ. Xét, việc giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng là dựa vào quyền lợi của trẻ. Để đảm bảo lợi ích mọi mặt của trẻ, tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Thanh V cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi cho trẻ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên có cơ sở chấp nhận. Đối với trẻ Minh T đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Thanh V cho bà C do ông Đ không yêu cầu.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời khai của ông Đ không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0071484 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bạch Đ

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Bạch Đ được ly hôn với bà Châu Thị Mỹ C

Giấy chứng nhận kết hôn số 187/99, quyền số 01 ngày 24/12/199 do Ủy ban nhân dân phường 18, quận Tân Bình (nay là phường Phú T, quận Tân Phú), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đ bà C hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- *Về quan hệ con chung*: Ông Trần Bạch Đ trực tiếp nuôi con chung tên Trần Thanh V, sinh ngày 01/6/200; Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà C do ông Đ không yêu cầu. Đối với con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 24/11/199 đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Bà C được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

- *Về nợ chung*: Ghi nhận lời khai của ông Đ không có nợ chung.

2. Về án phí:

Ông Đ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Số tiền án phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0071484 ngày 11/12/202 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Đ đã nộp đủ án phí

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Ông Trần Bạch Đ, bà Châu Thị Mỹ C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai